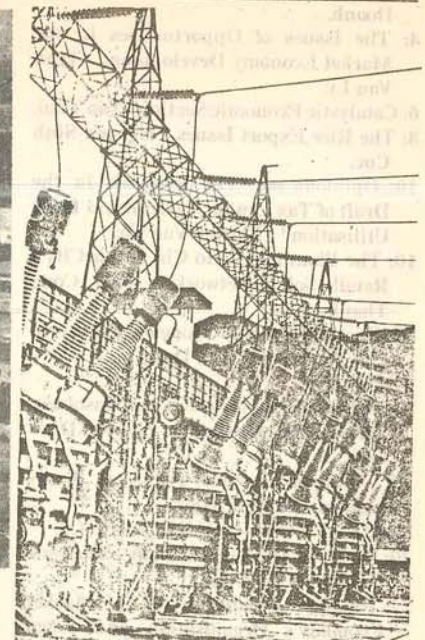
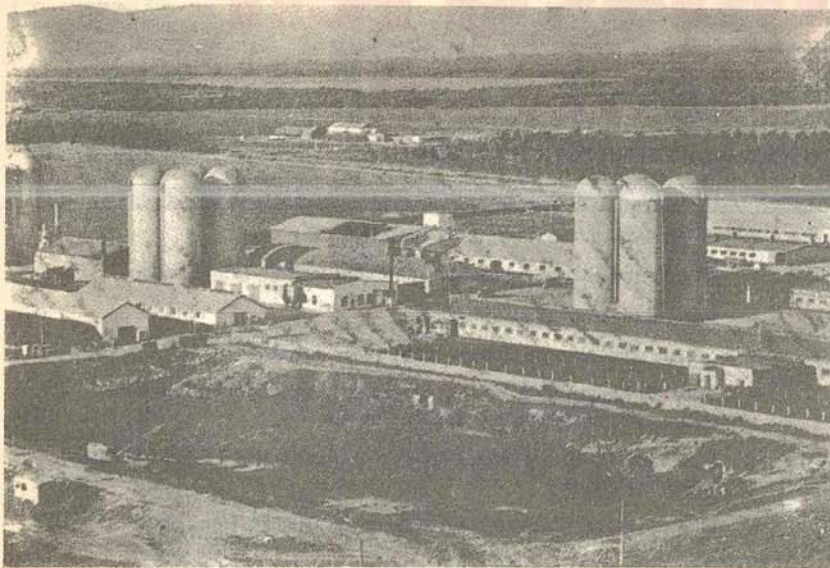




CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

Luật sư tiến sĩ TRẦN ĐÌNH HOÀNH

Người ta thường cho rằng cứ làm việc siêng năng tất nhiên sẽ thành trù phú. Không! Chưa hẳn vậy. Nếu không thì sao có câu "dã tràng xe cát biển đông". Siêng năng hẳn là điều cần, nhưng chưa đủ. Muốn kinh tế quốc gia phát triển, năng lực cần cù của người dân phải được chuyển vào hệ thống kinh tế có khả năng biến năng lực này thành những viên gạch chắc chắn của căn nhà kinh tế quốc gia. Hệ thống kinh tế hữu hiệu đó, hẳn nhiên phải được xây dựng bằng những chính sách kinh tế vĩ mô (macro) và vi mô (micro) hợp thời hợp lý. Mục đích của tiểu luận này là khảo sát những chính sách kinh tế cần thiết cho việc gia tăng hiệu năng kinh tế Việt Nam ngày nay. Trong phần sau đây, chúng ta sẽ khảo sát, trước hết, những chính sách kinh tế vĩ mô, sau đó sẽ đi vào kinh tế tiểu vi.

Chính sách kinh tế vĩ mô.

Chính sách kinh tế vĩ mô là những chính sách liên hệ đến ngân sách (tức chính sách tài chính), vấn đề tiền tệ lưu hành trong nước (tức chính sách tiền tệ), và vấn đề hối đoái (đổi tiền VN qua đô-la Mỹ chẳng hạn). Để giản dị hóa vấn đề, chúng ta sẽ khảo sát những khái niệm trừu tượng này bằng cách khảo sát đời sống của một xưởng xe đạp quốc doanh.

Xưởng xe đạp quốc doanh Phú Cường là một trong 2 xưởng xe duy nhất trong nước (xưởng kia có tên Hạnh Phúc). Phú Cường do chính phủ quản trị. Nếu xưởng có lời, một phần lợi sẽ đóng vào ngân quỹ quốc gia. Nếu xưởng gặp lỗ, ngân quỹ quốc gia có thể dùng để bù vào phần lỗ. Hơn nữa, các ngân hàng chính phủ có thể cho xưởng mượn tiền khi cần để bù vào

phần lỗ hoặc để chi tiêu.

Trông ngai đầu tiên cho hiệu năng kinh tế của Phú Cường, cũng như đa số những công ty quốc doanh khác, là công ty không có đủ "tinh thần thương mại". Nếu lời, một phần lớn số lợi sẽ phải nộp vào ngân quỹ, thay vì được chuyển đến người làm việc - ban giám đốc và công nhân viên - để kích thích tinh thần hoạt động của họ và để bành trướng sức mạnh của xưởng. Hơn nữa, xưởng không bao giờ chết. Nếu có lỗ, chính phủ sẽ tài trợ thêm. Điều này làm xưởng lười biếng, ỷ lại và trì trệ. Hiệu năng kinh tế của xưởng sẽ thấp.

Trên phương diện chính sách tài chính (hay chính sách ngân sách) quốc gia, dùng ngân quỹ quốc gia để tài trợ những xí nghiệp quốc doanh lỗ là tức là làm gia tăng mức chi tiêu của chính phủ. Khi chính phủ chi nhiều hơn thu (nghĩa là ngân sách thiếu hụt) tức là chính phủ đã tung ra thêm một số tiền lưu hành trên thị trường. Số tiền lưu hành trong nước gia tăng nhưng số lượng hàng hóa thì vẫn vậy, tất nhiên giá hàng sẽ tăng vì nhiều người có tiền đi mua nhưng số hàng bán thì vẫn ít. Thế nghĩa là lạm phát sẽ gia tăng trong nước.

Để kích thích tinh thần phục vụ và trách nhiệm thương mại của Phú Cường, cũng như để tránh thiếu hụt ngân sách và ngăn ngừa lạm phát, những xí nghiệp quốc doanh cần phải tự trị về tài chính. Lời thì sống, lỗ thì đóng cửa; không thể lệ thuộc vào ngân sách quốc gia. Làm như vậy tức là chúng ta đã thay đổi một phần chính sách tài chính quốc gia nhằm chống lạm phát và gia tăng hiệu năng xí nghiệp.

Giả sử rằng sau sự thay đổi chính sách tài chính như đã nói trên, xưởng Phú Cường đã "tự trị tài chính". Tốt! Nhưng thật ra "tự trị tài chính" có giản dị thế không? Hãng Phú Cường ngày nay, nếu lỗ là không được chính phủ "cho" tiền, hãng phải "mượn" tiền từ các ngân hàng chính phủ. Các ngân hàng này, nhất là các chi nhánh tại địa phương, lại không có quyền từ chối cho vay. Tại mỗi địa phương, chỉ nhánh các ngân hàng chính phủ đều nằm dưới quyền chỉ huy tối hậu của Ủy ban nhân dân địa phương. Ủy ban nhân dân địa phương tại nơi Phú Cường tọa lạc dĩ nhiên là muốn Phú Cường vay được nợ để còn tiếp tục hoạt động hầu giảm bớt thất nghiệp ở địa phương. (Hơn nữa, có thể ban quản trị Phú Cường đã mua chuộc Ủy ban nhân dân rồi cũng nên). Ủy ban nhân dân, vì vậy, ra lệnh ngân hàng phải cho Phú Cường mượn nợ mà không cần biết số nợ đó có giúp gia tăng hiệu năng kinh tế của Phú Cường hay không. Vậy là Phú Cường lại còn có tiền thoải mái. Thế có nghĩa là tự trị nhưng không tự trị.

Trên phương diện chính sách tiền tệ quốc gia, các ngân hàng địa phương, vì phải cho các xí nghiệp mượn nợ "tự do", đành phải đòi ngân hàng trung ương quốc gia cung cấp tiền bạc. Ngân hàng trung ương quốc gia nếu không có đủ tiền, đành phải in thêm giấy bạc. Tại VN ngày nay, ngân hàng trung ương quốc gia phải in thêm giấy bạc khi có lệnh của hành pháp mà không có quyền từ chối. Tiền tệ lưu hành trong nước gia tăng, lạm phát lại gia tăng.

Để giải quyết vấn đề, **thứ nhất**, ngân hàng trung ương quốc gia phải được toàn quyền ấn định chính sách tiền tệ. Ngân hàng này không thể bị chi phối bởi các cơ

quan hành chính, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp qua các ngân hàng địa phương như đã nói trên. Một trong những nhiệm vụ của ngân hàng trung ương quốc gia là ấn định số lượng tiền tệ lưu hành trong nước bằng cách ấn định phân lãi trên thị trường và số lượng tiền phải in ra. Nhiệm vụ này phải được thi hành với mục tiêu kinh tế duy nhất là giảm lạm phát, khuyến khích tiết kiệm và khuyến khích đầu tư. Nếu ngân hàng trung ương quốc gia phải vàng lệnh các cơ quan hành chính hoặc các ngân hàng chi nhánh cứ phải in tiền ra khi bị vói, thì chính sách tiền tệ quốc gia sẽ tiếp tục bị khủng hoảng trường kỳ. Thứ hai, các ngân hàng địa phương phải được độc lập và không bị chi phối, bị áp lực bởi các cơ quan hành chính. Vấn đề cho vay nợ là một quyết định kinh tế thuần túy nếu cho vay có lãi và có thể làm cho xí nghiệp đi vay trở thành mạnh mẽ thêm để sau này còn đủ sức trả nợ thì mới cho vay. Bằng không thì thôi. Những quyết định kinh tế chỉ hữu hiệu khi không bị chi phối bởi những áp lực và những yêu tố không có tính kinh tế. Thứ ba, để tránh tham nhũng, chính phủ nên khuyến khích tư nhân mở những ngân hàng tư hầu cạnh tranh với các ngân hàng quốc doanh tại địa phương. Tuy nhiên, để có một hệ thống ngân hàng hữu hiệu, không thể lũng đoạn kinh tế quốc gia, chính phủ cần một hệ thống luật pháp vững chắc về các luật lệ tài chính và ngân hàng. Đây là một vấn đề phức tạp mà chúng ta sẽ bàn trong một dịp khác.

Giả sử rằng ngân hàng trung ương đã độc lập và các ngân hàng địa phương không còn bị chi phối bởi các cơ quan hành pháp. Hiện thời mức lạm phát trong nước là 100% một năm. Ngân hàng trung ương (và các ngân hàng địa phương) ấn định mức lãi là 50% trên số tiền cho vay. Vậy một người không làm gì cả, chỉ cần vào ngân hàng vay 4 triệu đồng về mua vàng, cuối năm bán lại được 8 triệu đồng (lạm phát 100%). Trả tiền lãi cho ngân hàng 2 triệu (tiền lãi 50%) và trả nợ vốn 4 triệu. Người đó vẫn còn lãi 2 triệu đồng, chỉ nhờ đi mượn nợ!!!

Chính sách tiền tệ méo mó này tạo ra hai hiện tượng: thứ nhất, một số con buôn (kể cả những xí nghiệp như Phú Cường) chỉ thích đi mượn nợ để kiếm tiền theo cách nói trên, thay vì thực sự đóng góp vào việc sản xuất. Thứ hai, khi các ngân hàng chính phủ tính lãi thấp (50% chẳng hạn), các ngân hàng này phải trả tiền lãi cho các thân chủ tương đương mục tiết kiệm còn thấp hơn nữa (40% chẳng hạn). Hậu quả là chẳng người dân nào muốn tiết kiệm trong ngân hàng cả. Họ tiết kiệm bằng cách đi mua vàng. Đây là một trong những lý do chính làm cho tiết kiệm tư nhân hầu như hoàn toàn vắng bóng trên thị trường tài chính VN. Thứ ba, một số các ngân hàng tư sẽ tìm cách "ngồi không xoi tiền" bằng cách mời mọc dân chúng mở tương mục tiết kiệm với mức lãi rất cao so với mức lãi của chính phủ (thí dụ 70% thay vì 40% như chính phủ). Sau đó họ dùng tiền tiết kiệm

của dân chúng đi mua vàng. Giá vàng lại có thể vì đó mà gia tăng, lạm phát lại gia tăng, những con buôn này lại càng lãi (vì họ trữ vàng), kinh tế quốc gia lại càng khủng hoảng.

Để giải quyết vấn đề, ngân hàng trung ương quốc gia cần ấn định mức tiền lãi (cho các tương mục tiết kiệm cũng như các món nợ cho vay) cao hơn mức lạm phát, đầu rằng làm thế có thể sẽ gây khó khăn hơn cho các công ty quốc doanh trong vấn đề vay nợ.

Bây giờ, giả sử rằng vấn đề tiền lãi đã giải quyết xong, ta bắt đầu nhìn sang vấn đề hối đoái. Giả sử rằng chính phủ cố tình giữ một tỉ lệ hối đoái thấp bằng cách định giá đồng bạc VN quá cao. Thí dụ, giá chính thức là 1 đô-la Mỹ bằng 7.000 đồng VN, thay vì 10.000 đồng như trên thị trường không chính thức (chợ đen). Một chiếc xe đạp Phú Cường làm xong tốn khoảng 1 triệu đồng. Nếu mang xuất khẩu theo giá đô-la chính thức, chiếc xe Phú Cường sẽ trị giá vào khoảng 143 đô-la (1 triệu chia cho 7000), thay vì chỉ 100 đô-la theo hối đoái không chính thức (1 triệu chia cho 10.000). Mà giá không chính thức lại là giá trị thực sự của đồng đô-la, vì đó là giá trị thực sự theo mức cung cầu của thị trường tự nhiên. Thế nghĩa là giá xuất cảng của xe Phú Cường (143 đô-la) quá cao so với trị giá thực của nó trên thị trường quốc tế (100 đô-la). Xe Phú Cường, do đó sẽ không xuất cảng được. Quốc gia như vậy sẽ thiếu ngoại tệ từ nước ngoài để sử dụng vào những mặt dịch quốc tế.

Một tai hại khác của việc định giá đồng bạc VN quá cao là chính phủ sẽ khuyến khích tham nhũng. Một số con buôn sẽ đồng lõa với nhân viên chính phủ để mua đô-la từ chính phủ với giá thấp và bán lại trên thị trường không chính thức với giá cao hơn. Dự trữ ngoại tệ của ngân hàng trung ương quốc gia, vì vậy, có thể bị chuyển vào những hoạt động kinh tế hoàn toàn khác với dự tính và kế hoạch của chính

phủ. Cách giải quyết vấn đề, dĩ nhiên, là để giá chính thức của đồng đô-la ngang hàng với giá không chính thức. Xe nội hóa sẽ không còn bị đánh giá quá cao trên thị trường quốc tế. Nhờ đó xuất cảng gia tăng, đồng thời cơ hội tham nhũng sẽ giảm xuống.

Giả sử rằng ta đã giải quyết mọi vấn đề nêu trên. Công ty Phú Cường hoạt động điều hòa. Một số lợi tức của công ty sẽ được đóng vào ngân quỹ quốc gia. Dĩ nhiên đây là một cách xem ra hữu hiệu để gia tăng mức thu cho ngân sách quốc gia. Nhưng đóng bao nhiêu cho ngân quỹ? Làm sao để ấn định mức đóng? Mỗi xưởng máy cần sử dụng một phần tiền lãi vào việc tu bổ cơ xưởng và đầu tư cho tương lai. Mỗi xí nghiệp tư đều phải đóng góp vào ngân quỹ quốc gia qua hình thức thuế vụ. Xí nghiệp quốc doanh phải đóng góp nhiều hơn hay ít hơn mức thuế? Nếu đóng ít hơn mức thuế, tức là chính phủ đã tìm cách bao cấp (subsidize) xí nghiệp quốc doanh và khuyến khích xí nghiệp này lười biếng trì trệ. Nếu đóng góp nhiều hơn mức thuế, tức chính phủ đã ngăn cản mức bành trướng và phát triển tự nhiên của xí nghiệp này để đạt được hiệu năng tối đa mà thị trường cho phép. Chẳng hạn, thị trường có thể cho phép xí nghiệp tăng thêm lợi tức bằng cách mở thêm một chi nhánh hay mua thêm 2 giàn máy đóng khung; xí nghiệp lại không bành trướng được vì số lớn tiền lãi đã phải đóng vào ngân sách chính phủ. Hơn nữa, nếu xí nghiệp quốc doanh phải đóng vào ngân sách nhiều hơn thuế, có nghĩa là xí nghiệp quốc doanh phải có quyền được chính phủ tài trợ để đang hơn các xí nghiệp tư. Vậy là, chính phủ lại khuyến khích các xí nghiệp quốc doanh ỷ lại và lười biếng, thiếu hụt ngân sách lại gia tăng và chính sách tiền tệ lại khủng hoảng vì tiền lưu hành quá nhiều trong nước như đã nói trên. Vì vậy biện pháp hay nhất để công ty quốc doanh vững mạnh là để công ty hoàn toàn tự trị tài chính và cư xử với công ty quốc doanh như là một công ty tư nhân thuần túy.

Những khái niệm chúng ta khảo sát ra trên đây chỉ là một số những vấn đề kinh tế vĩ mô cần bàn mà các quốc gia đang mở mang, nhất là Việt Nam, đang gặp phải ngày nay. Dĩ nhiên, còn nhiều khía cạnh khác của kinh tế vĩ mô cần được khảo sát. Tuy nhiên, những vấn đề trên đây là những điểm tối cần bàn mà, nếu chúng ta nắm vững, cơ hội ổn định guồng máy kinh tế để phát triển quốc gia sẽ có dịp gia tăng ra nhiều. Những điểm khác trong kinh tế vĩ mô, chúng ta sẽ dành vào một dịp khác. Trong phần sau, chúng ta sẽ qua kinh tế vĩ mô để khảo sát ảnh hưởng của chính sách kinh tế vĩ mô vào hiệu năng của xưởng Phú Cường của chúng ta.

TDH.

(Trích Đất Mới, 11-12-1991)

Ký sau: Chính sách kinh tế vĩ mô.

